

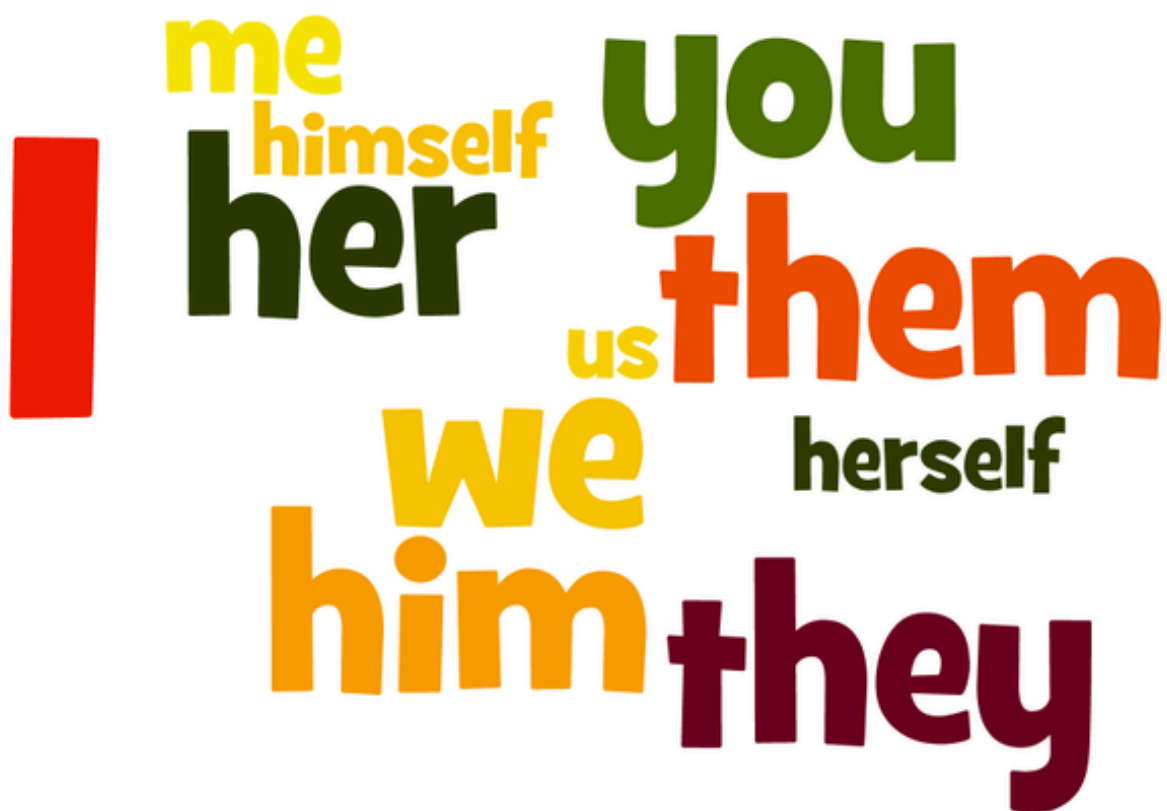
ĐẠI TỪ NHÂN XƯNG TRONG TIẾNG ANH : PHÂN LOẠI VÀ CÁCH DÙNG

Đại từ nhân xưng trong tiếng anh hay còn gọi là đại từ xưng hô, đại từ chỉ ngôi là những đại từ dùng để chỉ và đại diện hay thay thế cho một danh từ để chỉ người và vật khi ta không muốn đề cập trực tiếp hoặc lặp lại không cần thiết các danh từ ấy. Tất cả các ngôn ngữ trên thế giới đều chứa đựng đại từ nhân xưng trong đó. Bài học tiếng anh ngày hôm nay sẽ chia sẻ đầy đủ kiến thức cho bạn về đại từ nhân xưng trong tiếng anh được chia theo ngôi và theo số ít hay số nhiều.

1. PHÂN LOẠI ĐẠI TỪ NHÂN XƯNG TRONG TIẾNG ANH

Đại từ nhân xưng trong tiếng Anh thường đứng ở vị trí chủ ngữ trong câu hoặc đứng sau động từ be, đằng sau các phó từ so sánh như that, than, as, ... Đại từ nhân xưng này được chia thành ba ngôi, chia theo số ít, số nhiều như bảng biểu dưới đây :

Đại từ	Ngôi/số/giống	Tạm dịch
I	Ngôi thứ nhất số ít	Tôi, tao, ta, tớ, mình
We	Ngôi thứ nhất số nhiều	Chúng tôi, chúng ta, chúng tớ, chúng tao, chúng mình
You	Ngôi thứ hai số ít và số nhiều	Bạn, các bạn, đằng ấy, mày, bọn mày, tên kia, lũ, đám
He	Ngôi thứ ba số ít, chỉ giống đực	Anh ấy, cậu ấy, ông ấy, gã ấy, y, hán, thằng
She	Ngôi thứ ba số ít, chỉ giống cái	Cô ấy, chị ấy, bà ấy, ả, thị, Cỗ
It	Ngôi thứ ba số ít, không phân giống	Nó
They	Ngôi thứ ba số nhiều, không phân giống	Chúng nó, Họ



(Các đại từ nhân xưng trong tiếng anh)

Đại từ nhân xưng trong tiếng anh dạng mở rộng:

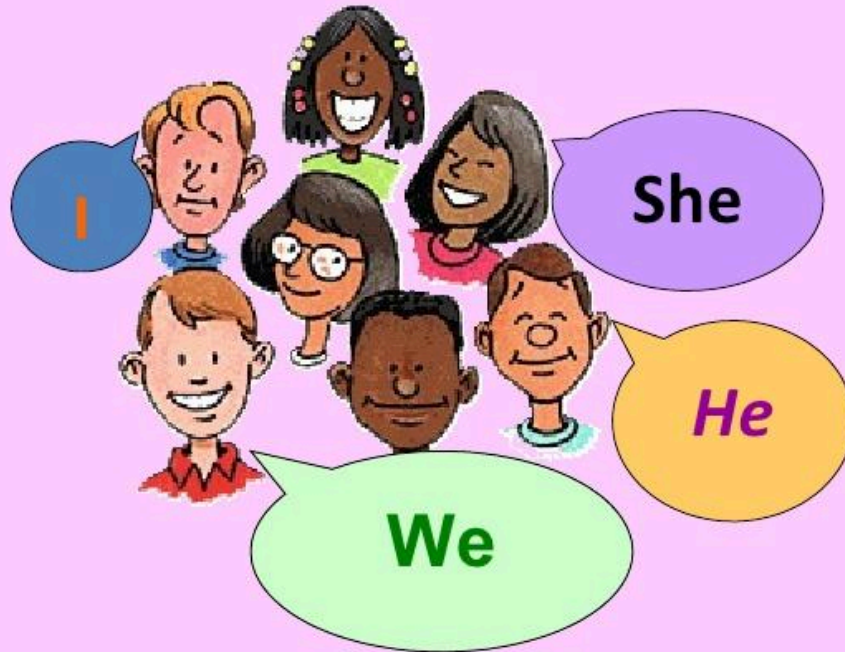
Đại từ chủ ngữ	Đại từ tân ngữ	Đại từ phản thân	Tính từ sở hữu	Đại từ sở hữu
I (tôi)	me (là tôi)	myself (chính tôi)	my (của tôi)	mine (là của tôi/thuộc về tôi)
you (bạn)	you (là bạn)	yourself, yourselves (chính bạn/các bạn)	your (của bạn/các bạn)	yours (là của bạn/các bạn/thuộc về các bạn)
he, she, it (anh/cô ta, nó)	him, her, it (là anh/cô ấy, nó)	himself, herself, itself (chính anh/cô ấy, nó)	his, her, its (của anh/cô ấy, nó)	his, hers (là của anh/cô ấy)

we (chúng tôi)	us (là chúng tôi)	ourselves (chính chúng tôi)	our (của chúng tôi/chúng ta)	ours (là của chúng tôi/thuộc về chúng tôi)
they (chúng nó)	them (là chúng nó)	themselves (chính chúng nó)	their (của chúng)	theirs (là của chúng nó/thuộc về chúng nó)

Đại từ nhân xưng trong tiếng anh phân chia theo ngôi:

Số ít	Số nhiều						
Chủ từ	Túc từ	Sở hữu	Chủ từ	Túc từ	Sở hữu		
Ngôi thứ nhất	I	me	mine	we	us	ours	
Ngôi thứ hai	you	you	yours	you	you	yours	
Ngôi thứ ba	Giống cái	she	her	hers	they	them	theirs
Giống đực	he	him	his				
Trung tính	it	it	its				

PERSONAL PRONOUNS



(Phân loại đại từ nhân xưng)

Đại từ nhân xưng trong tiếng anh có thể được phân thành ba loại (theo các ngôi giao tiếp):

- Đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất (chỉ người đang nói: tôi, tao, tớ, mình, bọn mình, chúng ta...)
- Đại từ nhân xưng ngôi thứ hai (chỉ người đang giao tiếp cùng: bạn, cậu, mày, anh, chị....)
- Đại từ nhân xưng ngôi thứ ba (chỉ những người không tham gia giao tiếp nhưng được nhắc đến trong cuộc giao tiếp: nó, anh ta, hắn, y, bọn ấy...).

Trong ba loại Đại từ nhân xưng trong tiếng anh trên lại chia ra: số ít (tôi) - số nhiều (chúng tôi, bọn tôi).

- Đối với ngôi thứ nhất dạng số ít. Khi nói chuyện với mọi người, tùy trường hợp, tương quan tuổi tác, liên hệ bà con, mức độ thân sơ, mà tự xưng hô bằng những nhân xưng đại từ khác nhau :

Xưng "Con", với ông bà, cha mẹ, những người bà con ngang vai với ông bà cha mẹ, với thầy cô giáo (ngày xưa); với những người già.

Xưng "Cháu", em cháu với ông bà, chú bác cô dì, với những người ngang tuổi với ông bà cha mẹ.

Xưng "Em", với anh chị; với những người hơn tuổi, hơn chức phận, với chồng (nếu người nói là nữ), hoặc với thầy cô giáo, với người đàn ông nào mà bạn muốn dùng tiếng xưng hô này để biểu lộ tình cảm.

Xưng "Chị", với các em, với những người mà đương sự coi là đáng em của mình.

Xưng "Cô", "dì", "thím", "bác"... với các cháu theo quan hệ họ hàng, với người nhỏ tuổi được đương sự coi như con cháu. "Mẹ", "má", "me"... với các con.

Xưng "Tôi", với tất cả mọi người.

Xưng "Ta", "ta", với một số người, khi đương sự không cần giữ lễ, hoặc muốn biểu lộ uy quyền, hoặc sự tức giận.

- Đại từ nhân xưng trong tiếng anh ngôi thứ hai số ít. Trong quan hệ cha-con, mẹ-con, khi đối thoại, cha mẹ gọi con bằng "con" hoặc "mày". Đối lại, con gọi cha mẹ bằng rất nhiều thứ tiếng như: Cha, bố, ba, thầy, cậu, tía; mẹ, má, mợ, me, mắng, bu, bầm, u... Nói chuyện với một người trong họ hàng, người ta sẽ gọi theo vai vế: Bác, chú, cậu, dượng, cô, dì, thím, bác gái; anh, chị, dượng nó, chú nó... Nói chuyện với người ngoài, người ta xưng theo tuổi như: Cụ, ông, bà, anh, chị, chú, mày...

Ngoài ra có các đại từ nhân xưng trong tiếng anh tôn trọng danh xưng như đức, quý, ngài, đáng, bậc hay nhục mạ, hạ thấp bằng thẳng, đồ, con, hần...

Personal Pronouns



(Cách dùng đại từ nhân xưng trong tiếng anh)

2. CÁCH DÙNG ĐẠI TỪ NHÂN XƯNG TRONG TIẾNG ANH

Đại từ nhân xưng được dùng để thay thế cho danh từ khi không cần thiết sử dụng hoặc bị lặp lại chính xác danh từ hoặc cụm danh từ đó.

Ex: John's broken his leg. He'll be in hospital for a few days

(John bị gãy chân. Anh ấy sẽ phải nằm viện vài ngày)

"I, he, she, we, they" có thể là chủ ngữ của động từ:

Ex: He has lived here for 3 years

"Me, him, her, us, them" có thể là tân ngữ trực tiếp của động từ

Ex: I saw her at the party last night.

– Có thể là tân ngữ gián tiếp của động từ

Ex: Ann gave him a book.

– Hoặc tân ngữ của giới từ

Ex: We couldn't do it without them